

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/DS-PT

Ngày: 23-4-2019

V/v tranh chấp hợp đồng thuê  
khoản quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Hữu Nhân

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Huyền

Ông Huỳnh Châu Thạch

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:**  
Ông Hoàng Thế Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2017/TLDS-PT ngày 22 tháng 11 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng thuê khoản quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 54/2017/DS-ST ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐT bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2019/QĐ-PT ngày 02/4/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Học viện Lục quân.

Địa chỉ: Số 2B LG, Phường 9, Tp. ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn M. Chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền (*văn bản ủy quyền ngày 18/9/2017*):

1. Ông Lê Đăng H, sinh năm: 1962; chức vụ: Chánh Thanh tra quốc phòng Học viện lục quân.

2. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm: 1958; chức vụ: Trợ lý kinh tế, phòng Hậu cần Học viện lục quân.

3. Ông Vũ Văn Ph, sinh năm: 1964; chức vụ: Chỉ huy trưởng Khu Kinh tế Quốc phòng 78.

4. Ông Đinh Ngọc K, sinh năm: 1966; chức vụ: Phó Chỉ huy trưởng Khu Kinh tế Quốc phòng 78.

Địa chỉ: Số 2B LG, Phường 9, Tp. ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Đức V, sinh năm 1967;

Trú tại: Thôn HH, xã NG, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1985. Trú tại: xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang và ông Nguyễn Đức T, sinh

năm 1992. Trú tại: số 147 tổ 7, phường HVT, quận HM, thành phố HN (*văn bản ủy quyền ngày 31/01/2018*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Phan Thị Lam H1; luật sư Nhâm Mạnh H2 và luật sư Phạm Thanh B – Công ty Luật TNHH Đông Hà Nội, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1969;

Trú tại: Thôn HH, xã NG, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Bùi Đức V.

(Ông T, luật sư H1 vắng mặt; các đương sự còn lại có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền ông Đinh Ngọc K thì:*

Nông lâm trường 78 trực thuộc Học viện và ông Bùi Đức V có ký các hợp đồng giao khoán đầu tư trồng mới, chăm sóc và giao nộp sản phẩm cây công nghiệp cà phê robusta số 19/HĐCP ngày 01/4/1998 và phụ kiện hợp đồng kinh tế số 29/HĐCP ngày 01/4/1996 và phụ kiện hợp đồng kinh tế ngày 01/4/2004; hợp đồng số 99/HĐCP/98 ngày 18/02/2009 và hợp đồng số 58/HĐCP/99 ngày 18/02/2009. Quá trình thực hiện hợp đồng thuê khoán thì ông V thực hiện đúng và giao nộp đầy đủ sản lượng cà phê đến hết năm 2010, từ năm 2011 ông V không thực hiện nộp sản phẩm cà phê theo hợp đồng. Ngày 13/4/2012, ông V có nộp số tiền 60.000.000đ một phần sản lượng cà phê năm 2011.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh lý hợp đồng giao khoán số 99/HĐCP/98 ngày 18/02/2009 và hợp đồng số 58/HĐCP/99 ngày 18/02/2009. Yêu cầu ông V có nghĩa vụ thanh toán sản lượng cà phê được tính bằng tiền còn thiếu từ việc giao nhận khoán từ năm 2011 đến năm 2016 tại hợp đồng giao khoán số 99/HĐCP/98 ngày 18/02/2009 là 55.741.440đ và hợp đồng giao khoán số 58/HĐCP/99 ngày 18/02/2009 là 561.608.470đ và sản lượng vụ mùa năm 2017. Do ông V, bà Th vi phạm thực hiện nghĩa vụ khoán nên đề nghị thanh lý hợp đồng số 99/HĐCP/98 ngày 18/02/2009 và hợp đồng số 58/HĐCP/99 ngày 18/02/2009 chấm dứt trước thời hạn và giao trả toàn bộ diện tích đất và cây trồng trên đất cho nguyên đơn.

*Bị đơn ông Bùi Đức V ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc Đ, ông Nguyễn Đức T trình bày:*

Thừa nhận ông V có ký 02 hợp đồng giao khoán với Nông lâm trường 78 (nay là khu Kinh tế - Quốc phòng 78 Học viện lục quân) như lời trình bày của nguyên đơn là đúng. Tuy nhiên, từ năm 2011 đến nay ông V tạm ngừng không thực hiện theo hợp đồng vì theo Quyết định số 318/QĐ-UB ngày 05/8/1978; Quyết định số 532/QĐ-UB ngày 20/8/1982 và Quyết định số 185/QĐ-UB ngày 01/4/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng thì đất giao khoán không thuộc

quyền quản lý của Nông lâm trường 78 và diện tích đất đang tranh chấp là đất do gia đình ông V khai phá thuộc quyền sử dụng đất của gia đình.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông giao nộp sản lượng cà phê còn lại năm 2011 đến năm 2016 theo 02 hợp đồng giao khoán trên và đề nghị thanh lý 02 hợp đồng thì ông không đồng ý.

Ông V cho rằng trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường Học viện Lục quân không đúng quy định pháp luật. Theo Quyết định số 318/QĐ-UB ngày 05/8/1978 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc cấp đất cho Học viện Lục quân làm địa điểm huấn luyện chiến đất và sản xuất cải thiện đời sống và Quyết định số 532/QĐ-UB ngày 20/8/1982 của UBND tỉnh Lâm Đồng về điều chỉnh lại đất sản xuất nằm trong khu đất đã cấp cho Học viện thì thời hạn sử dụng đất của Học viện là 05 năm, thời hạn này đã hết từ năm 1983, Học viện không còn là người sử dụng đất tại đây. Ông V là một trong các hộ dân đã vào khai hoang và sử dụng diện tích đất này từ năm 1989-1990, UBND tỉnh Lâm Đồng đã không tiến hành các thủ tục đo đạc, xác minh người sử dụng đất trên thực tế, vi phạm quy định tại Thông tư 320/TT-ĐKTK ngày 28/10/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất do GCNQSD đất số A 275194 ngày 06/4/1992 đã được cấp đổi ngày 30/6/2017 cho Học viện. Do đó, ngày 19/6/2017 ông V có yêu cầu độc lập đề nghị hủy GCNQSD đất này và đề nghị đưa Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Th trình bày:* bà đồng ý với ý kiến của ông Bùi Đức V (chồng bà) và ý kiến của đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Ngọc Đ, ông Nguyễn Đức T.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với việc thanh lý 02 hợp đồng giao khoán đầu tư trồng mới, chăm sóc và giao nộp sản phẩm cây công nghiệp cà phê robusta số 19/HĐCP ngày 01/4/1998 và phụ kiện hợp đồng kinh tế, số 29/HĐCP ngày 01/4/1996. Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng giao khoán số 99/HĐCP/98 ngày 18/02/2009 và hợp đồng giao khoán số 58/HĐCP/99 ngày 18/02/2009.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị:

- Về tố tụng: đề nghị xem xét lại tư cách khởi kiện của nguyên đơn, về việc ủy quyền người đứng đơn khởi kiện; đơn khởi kiện không ghi ngày tháng vi phạm quy định về nội dung đơn khởi kiện, nguyên đơn không giao bản sao đơn khởi kiện và chứng cứ, tài liệu cho bị đơn; đề nghị đưa ông Nguyễn Mộng H1 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung: văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng xác định đất cấp cho Nông trường Học viện Lục quân Đà Lạt là đất quốc phòng,

thời hạn sử dụng lâu dài là không có căn cứ vì không lưu giữ hồ sơ xét cấp. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị tuyên hợp đồng số 58/HĐCP/99 ngày 18/02/2009 và hợp đồng số 99/HĐCP/98 ngày 18/02/2009 vô hiệu do không tuân thủ các nội dung được quy định tại Điều 5 Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ về nội dung giao nhận khoán và về hình thức không áp dụng đúng Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định về mẫu hợp đồng giao nhận khoán. Bản chất của các hợp đồng giao khoán này là hợp đồng thuê đất do hợp đồng giao khoán quyền và nghĩa vụ của bên giao khoán phải thực hiện theo Nghị định 135; theo Điều 475 Bộ luật Dân sự 1995 về hợp đồng cho thuê tài sản, theo Điều 6 Nghị định số 9-CP ngày 12/02/1996 của Chính phủ về chế độ quản lý đất quốc phòng, Học viện cho thuê đất là vi phạm nên hợp đồng này vô hiệu. Theo quy định thực hiện giao dịch dân sự thông qua đại diện theo pháp luật, đại diện ủy quyền của chủ thể giao kết, trong trường hợp giao kết đối tượng hợp đồng là đất đai phải ủy quyền bằng văn bản nhưng trong hợp đồng giao khoán không thể hiện việc có ủy quyền. Lỗi làm cho hợp đồng vô hiệu 100% là của Nông lâm trường 78 Học viện Lục quân và đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án sơ thẩm số 54/2017/DS-ST ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐT đã xử :

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Học viện Lục quân đối với ông Bùi Đức V, bà Bùi Thị Th về hợp đồng giao khoán: đầu tư trồng mới, chăm sóc và giao nộp sản phẩm cây công nghiệp cà phê robusta số 19/HĐCP ngày 01/4/1998 và phụ kiện hợp đồng kinh tế; hợp đồng giao khoán: Đầu tư trồng mới, chăm sóc và giao nộp sản phẩm cây công nghiệp cà phê robusta số 29/HĐCP ngày 01/4/1996.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Học viện Lục quân đối với việc thực hiện nghĩa vụ giao nhận khoán và thanh lý hợp đồng giao khoán: Đầu tư trồng mới, chăm sóc và giao nộp sản phẩm cây công nghiệp cà phê robusta số 99/HĐCP/98 ngày 18/02/2009, hợp đồng giao khoán: Đầu tư trồng mới, chăm sóc và giao nộp sản phẩm cây công nghiệp cà phê robusta số 58/HĐCP/99 ngày 18/02/2009 đã ký kết giữa Nông lâm trường 78 Học viện Lục quân (nay là khu Kinh tế - Quốc phòng 78 Học viện Lục quân) và ông Bùi Đức V, bà Bùi Thị Th.

Buộc bà Bùi Đức V, bà Bùi Thị Th có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Học viện Lục quân số tiền 751.170.710đ (trong đó: Hợp đồng giao khoán số 99/HĐCP/98 ngày 18/02/2009 là 68.643.840đ và Hợp đồng giao khoán số 58/HĐCP/99 ngày 18/02/2009 là 682.706.870đ) và số tiền 1.500.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Buộc ông Bùi Đức V, bà Bùi Thị Th có trách nhiệm trả lại diện tích đất giao nhận khoán 5,68ha (thực tế đo đạc 71.603,5m<sup>2</sup>) và toàn bộ cây trồng trên đất cho Học viện Lục quân quản lý sử dụng và ông Bùi Đức V, bà Bùi Thị Th có trách nhiệm tháo dỡ 01 căn nhà tạm trả lại hiện trạng đất cho Học viện Lục quân (có họa đồ lô đất kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 23/10/2017, bị đơn ông Bùi Đức V kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nội dung bản án không khách quan, không đúng quy định pháp luật.

*Tại phiên tòa hôm nay,*

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn đề nghị giải quyết như án sơ thẩm. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về tố tụng*: Xuất phát từ hợp đồng giao khoán, đầu tư trồng mới, chăm sóc và giao nộp sản phẩm cây công nghiệp cà phê Rubusta số 99/HĐCP/98 ngày 18/02/2009 và Hợp đồng giao khoán: Đầu tư trồng mới, chăm sóc và giao nộp sản phẩm cây công nghiệp cà phê Rubusta số 58/HĐCP/99 ngày 18/02/2009 được ký giữa Nông lâm trường 78 Học viện lục quân (nay là Khu kinh tế - Quốc phòng 78 Học viện lục quân) và ông Bùi Đức V theo đó được sử dụng khai thác diện tích đất 0,54ha thuộc lô đất đồi mít từ ngày 18/02/2009 đến ngày 31/12/2017 và diện tích 5,14ha thuộc lô đất đồi mít từ ngày 18/02/2009 đến ngày 31/12/2018 bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán bằng cà phê nhân loại 1 với mức khoán theo thỏa thuận hằng năm. Do ông Bùi Đức V, bà Bùi Thị Th không thực hiện nghĩa vụ như hợp đồng đã ký kết nên hai bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định “*Tranh chấp hợp đồng thuê khoán quyền sử dụng đất*” là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Bùi Đức V thì thấy rằng:

Theo Quyết định số 185/QĐ-UB ngày 01/4/1992 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường thuộc Học viện lục quân – Đà Lạt thì diện tích đất của Nông trường Học viện lục quân tại xã Ninh Gia huyện ĐT được cấp là 676,85ha căn cứ theo Quyết định số 318/QĐ-UB ngày 05/8/1978 và Quyết định số 532/QĐ-UB ngày 28/8/1982 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 2017, Học viện lục quân được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản số CD 929798 ngày 30/6/2017.

Sau khi được cấp GCNQSDĐ thì Học viện lục quân có quyền thực hiện các giao dịch dân sự mà pháp luật cho phép. Do vậy, Học viện lục quân ký hợp đồng giao khoán đất đầu tư, trồng mới, chăm sóc và giao nộp sản phẩm loại cây công nghiệp cà phê Rubusta với ông Bùi Đức V là hoàn toàn hợp pháp.

Đối với yêu cầu hủy GCNQSD đất số A 275194 cấp ngày 06/4/1992, cấp đổi ngày 30/6/2017 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp cho Nông trường Học viện lục quân vì cho rằng diện tích đất trên được gia đình bị đơn khai phá và sử dụng từ năm 1989 đến năm 1990. Qua xem xét thì thấy rằng, phía bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Đồng thời, theo Công văn số 964/STNMT-VPĐKĐĐ của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng ngày 12/6/2018 thì nguồn gốc đất là được UBND tỉnh Lâm Đồng giao, cấp cho Học viện lục quân năm 1978 và Công ty Lâm Viên (thuộc HVLQ) năm 1995. Học viện lục quân sử dụng đúng với quy hoạch, có ranh giới, mốc giới rõ ràng từ năm 1978 cho đến nay. Bên cạnh đó, việc bị đơn ông V liên tiếp ký các hợp đồng giao khoán với Học viện lục quân từ năm 1996, 1998, 2004, 2009 và thực hiện nghĩa vụ thanh toán, giao nộp sản lượng theo như hợp đồng và không có tranh chấp, khiếu nại về diện tích đất khoán từ khi ký hợp đồng cho đến năm 2011 đã thể hiện việc thừa nhận diện tích đất nêu trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Học viện lục quân. Hơn nữa, việc thay đổi chủ thể từ cấp cho Học viện quân sự, Nông trường học viện Lục quân Đà Lạt không làm thay đổi chủ thể quản lý, đất được cấp là đất quốc phòng nên bị đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho Học viện lục quân là không có cơ sở.

Tuy nhiên, căn cứ kết quả đo đạc của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng ngày 29/3/2017 (BL133) thì diện tích đất bị đơn giao nhận khoán theo hợp đồng là 56.800m<sup>2</sup> nhưng diện tích đất thực tế hiện nay bị đơn đang quản lý, sử dụng là 71.603,5m<sup>2</sup>, tăng thêm diện tích 14.803m<sup>2</sup>.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập chứng cứ để làm rõ đối với phần diện tích tăng thêm này do bị đơn quản lý, sử dụng từ thời gian nào? số lượng cây trồng mới và cây trồng cũ (cây cà phê, bơ, mít, ...) do bị đơn trồng và vật kiến trúc trên đất. Đồng thời chưa xem xét đến công sức đóng góp của bị đơn trong việc tôn tạo để tạo nên giá trị cây trồng như hiện nay, nhưng lại buộc bị đơn phải giao trả cho nguyên đơn cả quyền sử dụng đất và cây trồng trên diện tích đất tăng thêm ngoài hợp đồng mà không tính toán giá trị cây trồng trên đất này để buộc nguyên đơn phải hoàn trả cho bị đơn là không đúng. Mặt khác, nguyên đơn khởi kiện tranh chấp diện tích thuê khoán quyền sử dụng đất theo các hợp đồng đã ký kết, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại giải quyết cả diện tích đất tăng thêm ngoài hợp đồng là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó nếu nguyên đơn có tranh chấp cả diện tích đất tăng thêm ngoài hợp đồng thì phải xác định thêm quan hệ tranh chấp về quyền sử dụng đất và phải thực hiện các thủ tục liên quan đến yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai mới đúng pháp luật.

Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập chứng cứ để làm rõ những nội dung đã phân tích trên và Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, nên cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện ĐT giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí: do hủy án nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Bùi Đức V.

1. Hủy Bản án Dân sự sơ thẩm số 54/2017/DS-ST ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐT.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện ĐT giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Bùi Đức V số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007039 ngày 16/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh LĐ;
- Phòng KTNV & THA;
- TAND huyện ĐT;
- Chi cục THADS huyện ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Bùi Hữu Nhân**

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Châu Thạch - Nguyễn Thị Huyền**

**Bùi Hữu Nhân**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh LD;
- Phòng KTNV & THA;
- TAND huyện ĐT;
- Chi cục THADS huyện ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Hữu Nhân**